

Số: 31 /2026/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 27 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HUẾ

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 05/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/4/2004; căn cước công dân số: 046304005424; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường P, thành phố H.

2. Anh Lê Phan Quốc H, sinh ngày 20/4/1998; căn cước công dân số: 046098005696; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 19 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Huế nhận định;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Phan Quốc H tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, thành phố H (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2025 ngày 20/05/2025 nên là hôn nhân hợp pháp.

Qua hòa giải đoàn tụ không thành, xét việc thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị T và anh Lê Phan Quốc H là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Phan Quốc H cùng xác nhận có 01 con chung là cháu Lê Linh Đ, sinh ngày 30/9/2015. Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi đến khi các cháu thành niên và người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, phù hợp quy định tại các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[3] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án ghi nhận nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Phan Quốc H thỏa thuận chị T chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là tự nguyện, có căn cứ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Phan Quốc H.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Linh Đ, sinh ngày 30/9/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không có yêu cầu.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí lệ phí sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000003 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H; chị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Phong Dinh
(ĐK kết hôn số 26/2025 ngày 20/5/2025);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Sang

